TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/DS-ST
Ngày 13 -11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Ông Nguyễn Văn Nông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 289/2019/TLST-DS ngày 08/8/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐXXST-DS ngày 04/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2019/QĐST-DS ngày 28/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vương Trọng H, sinh năm 1974; địa chỉ: 01/17 khu dân cư 61, đường V, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết mặt.

- Bị đơn: Ông Nghiêm Mạnh T, sinh năm 1975; thường trú: 122/88 (số cũ 1/15), đường V, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị L, sinh năm 1976; thường trú: 122/88 (số cũ 1/15), đường V, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2019 và đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 27/9/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Vương Trọng H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với nhau và do cần tiền để mở rộng cơ sở kinh doanh nên vào năm 2018 ông Nghiêm Mạnh T có vay của ông Vương Trọng H 04 lần tiền với tổng số tiền là 395.000.000 đồng cụ thể:

Ngày 12/6/2018 ông T vay số tiền là 100.000.000 đồng, có làm hợp đồng vay tiền, trong giấy vay tiền hai bên thỏa thuận không lãi suất, nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất là 3%, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 12/6/2018 đến ngày 12/6/2019.

Ngày 20/9/2018 ông T vay số tiền là 70.000.000 đồng, có làm giấy vay tiền, trong giấy vay tiền hai bên thỏa thuận không lãi suất, nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất là 3%, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 20/9/2018 đến ngày 20/9/2019.

Ngày 23/9/2018 ông T vay số tiền là 165.000.000 đồng, có làm giấy vay tiền, trong giấy vay tiền hai bên thỏa thuận không lãi suất, nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất là 3%, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 23/9/2018 đến ngày 23/9/2019.

Ngày 09/10/2018 ông T vay số tiền là 60.000.000 đồng, khi vay không làm giấy vay tiền, không thỏa thuận lãi suất, không hẹn thời gian trả tiền.

Khi vay thì ông T không thế chấp tài sản gì. Ông T đã trả được 09 lần tiền lãi đối với số tiền vay 100.000.000 của khoản vay ngày 12/6/2018; trả được 07 lần tiền lãi đối với số tiền vay 70.000.000 đồng của khoản vay ngày 20/9/2019 và trả được 07 lần tiền lãi đối với số tiền vay 165.000.000 đồng của khoản vay ngày 23/9/2019, sau đó thì ông T không tiếp tục trả tiền lãi nữa, mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T không trả. Còn đối với khoản tiền vay ngày 13/5/2019 (khoản vay không có giây tờ) thì ông T chưa trả được khoản tiền lãi nào.

Đến tháng 5/2019 thì cơ sở ông T đóng cửa không còn hoạt động, hiện ông T đã đi khỏi địa phương không thể liên lạc được. Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2019 ông H khởi kiện yêu cầu ông Nghiêm Mạnh T trả tiền vay gốc còn nợ 395.000.000 đồng. Tuy nhiên ngày 27/9/2019 ông H có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông T phải trả số tiền 60.000.000 đồng là khoản vay ngày 09/10/2018, mà chỉ yêu cầu ông Nghiêm Mạnh T phải trả lại số tiền vay gốc còn nợ là 335.000.000 đồng theo các giấy vay tiền ngày 12/6/2018, ngày 20/9/2018 và ngày 23/9/2018, đồng thời ông H tự nguyện khấu trừ số tiền lãi đã nhận dư từ ông T vào số tiền gốc mà ông T còn nợ của ông H là 335.000.000 đồng - 33.848.500 đồng = 301.151.500 đồng. Vậy nay ông Vương Trọng H yêu cầu ông Nghiêm Mạnh T phải trả lại số tiền vay gốc còn nợ là 301.151.500 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng cho vay tiền ngày 12/6/2018; Giấy vay tiền ngày 20/09/2018 và Giấy vay tiền ngày 23/9/2018 có chữ ký của ông Nghiêm Mạnh T.

- *Đối với bị đơn ông Nghiêm Mạnh T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết và yêu cầu ông Nghiêm Mạnh T có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của ông Vương Trọng H nhưng ông T không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Vào ngày 27/9/2019, Tòa án triệu tập ông T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông T tham gia phiên tòa vào ngày 28/10/2019 và ngày 13/11/2019 nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

- *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị L:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết và yêu cầu bà Đinh Thị L có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của ông Vương Trọng H nhưng bà L không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Vào ngày 27/9/2019, Tòa án triệu tập bà L tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng bà L vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bà L tham gia phiên tòa vào ngày 28/10/2019 và ngày 13/11/2019 nhưng bà L vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Ông Vương Trọng H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nghiêm Mạnh T có địa chỉ tại khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương phải trả số tiền vay còn nợ là 335.000.000 đồng phát sinh từ hợp đồng vay tài sản vì vậy đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Vương Trọng H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nghiêm Mạnh T và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Trần Thị H1 là vợ của ông Vương Trọng H. Qúa trình tố tụng, bà H1 xác định không liên quan gì đến số tiền ông H cho ông T vay, đồng thời bà H1 đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, Tòa án không đưa bà Trần Thị H1 vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

[4] Về việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 27/9/2019 nguyên đơn ông Vương Trọng H có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông T phải trả số tiền 60.000.000 đồng là khoản vay ngày 09/10/2018, mà chỉ yêu cầu ông Nghiêm Mạnh T phải trả lại số tiền vay gốc còn nợ là 335.000.000 đồng theo các giấy vay tiền ngày 12/6/2018, ngày 20/9/2018 và ngày 23/9/2018. Đồng thời ông H tự nguyện khấu trừ số tiền lãi đã nhận dư từ ông T vào số tiền gốc mà ông T còn nợ ông H là 335.000.000 đồng - 33.848.500 đồng = 301.151.500 đồng. Ông Vương Trọng H yêu cầu ông Nghiêm Mạnh T phải trả lại số tiền vay gốc còn nợ là 301.151.500 đồng, không yêu cầu tính lãi. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ Điều 235, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận đối với việc xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ông H.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Vương Trọng H xác định năm 2018 ông T có vay của ông H tổng số tiền 335.000.000 đồng theo các giấy vay tiền ngày 12/6/2018, ngày 20/9/2018 và ngày 23/9/2018. Căn cứ vào hợp đồng cho vay tiền ngày 12/6/2018; Giấy vay tiền ngày 20/09/2018 và Giấy vay tiền ngày 23/9/2018 xác định ông Nghiêm Mạnh T có vay của ông H tổng số tiền là 335.000.000 đồng, do ông T vi phạm nghĩa vụ trả lãi, nên ông H khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh tóan tiền nợ gốc 335.0000.000 đồng là có căn cứ.

Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng ông H thừa nhận đã nhận tiền lãi của ông T là 27.000.000 đồng đối với khoản vay ngày 12/6/2018 (số tiền 100.000.000 đồng x 09 tháng x 3%/tháng = 27.000.000 đồng); số tiền lãi 14.700.000 đồng khoản vay ngày 20/9/2018 (số tiền 70.000.000 đồng x 07 tháng x 3%/tháng = 14.700.000 đồng) và 34.650.000 đồng khoản vay ngày 23/9/2018 (số tiền 165.000.000 đồng x 07 tháng x 3%/tháng = 34.650.000 đồng). Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 "…trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay,…". Ông H và ông T thỏa thuận 3%/tháng (tương đương 36%/năm). Do đó, phần lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm không được chấp nhận. Mức lãi suất ông H được chấp nhận là 1,67%/tháng cụ thể với các khoản tiền vay như sau: khoản vay ngày 12/6/2018 số tiền 100.000.000 đồng x 09 tháng x 1,67%/tháng = 15.030.000 đồng; khoản vay ngày 20/9/2018 số tiền

70.000.000 đồng x 07 tháng x 1,67%/tháng = 8.183.000 đồng và khoản vay ngày 23/9/2018 số tiền 165.000.000 đồng x 07 tháng x 1.67%/tháng = 19.288.500 đồng, tổng số tiền lãi ông H được chấp nhận là 42.501.500 đồng. Ông H đã nhận tiền lãi của ông T là 76.350.000 đồng - 42.501.500 đồng = 33.848.500 đồng nên tự nguyện khấu trừ tiền lãi đã nhận dư 33.848.500 đồng đồng vào tiền nợ gốc. Số tiền nợ gốc còn lại đối với các giấy vay tiền ngày 12/6/2018; ngày 20/9/2018 và ngày 23/9/2018 là 301.151.500 đồng, xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, tổng số tiền nợ gốc ông Nghiêm Mạnh T còn phải thanh toán cho ông Vương Trọng H theo các giấy vay tiền ngày 12/6/2018; ngày 20/9/2018 và ngày 23/9/2018 là 301.151.500 đồng.

[6] Ông Vương Trọng H không yêu cầu ông Nghiêm Mạnh T phải trả tiền lãi đối với số tiền vay gốc còn nợ. Xét đây là sự tự nguyện của ông H và có lợi cho ông T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng bị đơn ông Nghiêm Mạnh T vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào thể hiện ý kiến về việc không thừa nhận chữ ký của ông Tùng trong hợp đồng cho vay tiền ngày 12/6/2018; Giấy vay tiền ngày 20/09/2018 và Giấy vay tiền ngày 23/9/2018, đồng thời cũng không xuất trình chứng cứ chứng minh ông T không vay nợ của ông H hoặc đã thanh toán xong các khoản nợ trên.

[8] Nguyên đơn ông Vương Trọng H xác định ông H chỉ cho ông một mình ông T vay tiền và trong các giấy vay tiền chỉ có chữ ký của ông T, vậy ông H chỉ yêu cầu một mình ông T phải có trách nhiệm trả tiền, không yêu cầu bà Đinh Thị L phải có trách nhiệm cùng ông T trả tiền vay còn nợ cho ông H. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét gì đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà L trong vụ án này.

[9] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Vương Trọng H không phải chịu. Bị đơn ông Nghiêm Mạnh T phải chịu toàn bộ án phí, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 357, 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vương Trọng H đối với bị đơn ông Nghiêm Mạnh T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nghiêm Mạnh T phải thanh toán cho ông Vương Trọng H số tiền vay gốc còn nợ 301.152.000 đồng (ba trăm lẻ một triệu, một trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nghiêm Mạnh T phải chịu 15.057.575 đồng (mười lăm triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng). Hoàn trả cho ông Vương Trọng H số tiền 9.875.000 đồng (chín triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0029055 ngày 07/8/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã D.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TX D;
- Chi cục THADS TX D;
- Đương sự;
- Lưu: VT; HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Minh Châu